TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **452**/2023/QĐST-HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57; 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 375/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận T ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Võ Thị Ngọc Yến A, sinh năm 1993;

Địa chỉ: X Phan Văn Bảy, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đỗ Hữu T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp Y, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04 do Uỷ ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 18/01/2019 thì bà Võ Thị Ngọc Yến A và ông Đỗ Hữu T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà A và ông T cùng thuận tình ly hôn. Bà A cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của bà A và ông T thì sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ đầu năm 2023 thì cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó dẫn đến việc sống ly thân. Mặc dù cả hai

đã cố gắng hàn gắn T cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà A và ông T cùng yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Về con chung các bên thống nhất giao con chung là trẻ Đỗ Ngọc Bảo An, sinh ngày 27/04/2020 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi trẻ Đỗ Ngọc Bảo An đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 10 hàng tháng ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Xét: Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do vậy, việc công nhận thuận tình ly hôn của bà Võ Thị Ngọc Yến A và ông Đỗ Hữu T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (ngày 04/8/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc Yến A và ông Đỗ Hữu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Đỗ Ngọc Bảo An, sinh ngày 27/04/2020. Bà A và ông T thỏa thuận giao trẻ Đỗ Ngọc Bảo An cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Hữu T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi trẻ Đỗ Ngọc Bảo An đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 10 hàng tháng ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và bà Võ Thị Ngọc Yến A có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Đỗ Hữu T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Đỗ Hữu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải cấp dưỡng theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà A và ông T mỗi người phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007212 ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- CCTHADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Nhơn Hội,
huyện An Phú, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị lựu